

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 358/2023/DS-PT

Ngày 23-11- 2023

V/v: “Tranh chấp quyền sử dụng đất,
bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Sâm và ông Văn Công Dân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Chi – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 299/2023/DS-PT ngày 17/10/2023 về việc: “Tranh quyền sử dụng đất; yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm: 60/2023/DSST ngày 08/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cư M’gar, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 287/2023/QĐ-PT ngày 25 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đào Đức H; địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Hoàng A - Luật sư Công ty L1 (có mặt);

Địa chỉ: LAX, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đức H1;

Người đại diện theo ủy quyền của ông H1: Bà Trần Thị T; cùng địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (có mặt)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- + Bà Nguyễn Thị H2;
- + Anh Đào Đức H3;
- + Chị Đào Thị H4
- + Anh Đào Đức H5;
- + Chị Đào Thị H6;

Người đại diện theo ủy quyền của bà H2, anh H3, chị H4, anh H5 và chị H6:
 Ông Đào Đức H; địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- + Bà Trần Thị T;
- + Anh Nguyễn Trọng V;
- + Anh Nguyễn Trọng T1;
- + Chị Nguyễn Thị Thùy D;
- + Bà Lê Thị H7;

Người đại diện theo ủy quyền của anh V, anh T1, chị D, bà H7 là: Bà Trần Thị T; cùng địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

+ Ngân hàng N.

Địa chỉ: B L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V1 – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Xuân T2 – Giám đốc Ngân hàng N Chi nhánh E - Bắc Đắk Lắk.

Người được ủy quyền lại: Ông Lương Ngọc H8 – Phó giám đốc Ngân hàng N Chi nhánh E - Bắc Đắk Lắk (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Đào Đức H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Đào Đức H trình bày:

Gia đình ông có vườn cà phê được khai phá từ năm 1990 đến năm 2005 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 100, tờ bản đồ số 18, diện tích 12510 m² tại xã C, huyện C do UBND huyện C cấp ngày 06/6/2005 cho hộ ông Đào Đức H, Nguyễn Thị H2. Phía Bắc của thửa đất giáp ranh với đất của gia đình ông Nguyễn Đức H1, gia đình ông H1 nhận chuyển nhượng thửa đất này từ năm 2007 từ vợ chồng ông K, bà X1 (bà X1 là chị vợ của ông). Ranh giới hai thửa đất được xác lập từ năm 1990 là hàng Muồng đen chắn gió theo chiều dài khoảng 24 cây, ông trồng thêm giáp hàng ranh 4 cây cạnh đường đi. Gia đình ông và gia đình ông H1 đã cùng thống nhất ranh giới giữa 02 thửa đất là tim hàng Muồng 24 cây.

Tháng 03/2021 ông H1 tự ý chặt bán hàng Muồng 24 cây ranh giới và 4 cây Muồng của gia đình ông, cắm cọc bê tông xây bờ rào. Gia đình ông ở xa không thường xuyên ở rẫy, ông H1 tự ý cho thợ cắm trụ bê tông sang phần đường đi của gia đình ông. Khi ông vào phát hiện ông H1 đã cắm trụ rào và xây sang phần đất của ông, thì ông yêu cầu dừng thi công và trình báo với Công an xã về 4 cây Muồng bị ông H1 chặt bán và gửi đơn đề nghị UBND xã C xem xét giải quyết. Khi chưa được giải quyết ông H1 cho thợ tiếp tục xây dựng kéo lưới B40, ông yêu cầu dừng lại thì vợ ông H1 là bà Trần Thị T cho rằng còn 2m đất bên đường đi của ông là của gia đình bà và thách đố, đe dọa dùng luật rừng, xã hội đen để giải quyết với gia đình ông.

Đến ngày 27/8/2022 bố con ông H1 tiếp tục trồng hàng Cau sang phần đất đang lấn chiếm, đổ vật liệu để tiếp tục thi công hàng rào. Ngày 02/01/2023 bố con ông đang làm trong vườn thì con ông H1 là Nguyễn Trọng V ra giáp bờ ranh vu khống ông cắt hàng rào lưới B40, ném cành Muồng sang bên vườn ông H1 và tiếp tục chửi bới, đe dọa, thách đố, xúc phạm đến nhân phẩm danh dự của gia đình ông lần thứ 2. Do đó, ông yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Buộc gia đình ông H1 tháo dỡ cọc rào, trả lại phần đất đã lấn chiếm của gia đình ông diện tích 40 m².

- Đền bù 4 cây Muồng đã hủy hoại, chiếm đoạt của gia đình ông (04 cây Muồng này là 04 cây Muồng đã bị chặt và nảy mầm từ 2021 như biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án), với số tiền là 26.000.000 đồng.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật bồi thường thiệt hại tổn thất về tinh thần cho ông vì đã đe dọa tính mạng tài sản, xúc phạm bôi nhọ danh dự nhân phẩm gia đình ông với số tiền bồi thường là 12.000.000 đồng và xin lỗi công khai gia đình ông.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T trình bày:

Năm 2006 vợ chồng bà nhận chuyển nhượng thửa đất số 72, tờ bản đồ số 18 và thửa đất 79, tờ bản đồ số 18, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk từ vợ chồng ông Lưu Văn K, bà Nguyễn Thị X1. Sau khi giao đủ tiền vợ chồng ông K đã hoàn tất thủ tục sang nhượng cho vợ chồng bà. Ngày 08/01/2007, vợ chồng bà được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất trên mang tên hộ ông Nguyễn Đức H1, bà Trần Thị T.

Hai thửa đất bà nhận chuyển nhượng từ vợ chồng ông K đã có ranh giới rõ ràng: phía Đông giáp thửa 78, phía Tây giáp đường, phía Bắc giáp đường, phía Nam giáp đất ông H. Thời điểm bàn giao 02 thửa đất trên vợ chồng ông K đã chỉ ranh đất giáp đất ông H cho gia đình bà biết. Phần ranh giới phía nam giáp đất ông H được ngăn cách bởi 01 hàng Muồng; theo bà, ranh giới giữa 02 nhà là từ hàng Muồng đen và 24 cây Muồng đen thuộc về đất của bà. Vì vậy, sau khi nhận đất bà có rào bờ rào bằng dây kẽm gai (rào năm 2006), hàng rào này vây quanh 24 cây

Muồng, khi bà rào kẽm gai ông H không có ý kiến phản đối gì. Đến năm 2012, bà bọc lưới B40 dựa theo hàng Muồng đen làm hàng rào. Năm 2021, bà khai thác hàng Muồng đen để xây dựng hàng rào lưới B40 có xây trụ cho chắc chắn. Khi bà xây hàng rào trụ bê tông thì bà không mời ông H đến thống nhất ranh giới. Tuy nhiên, bà có nhờ ông Lê Văn T4, thôn E, xã C, huyện C xây dựng hàng rào và ông T4 có nói với ông H. Trong 03 ngày thợ làm hàng rào ông H cũng có mặt nhưng không có ý kiến, tuy nhiên đến ngày thứ 4 xây hàng rào, còn khoảng 10 mét hàng rào chưa xong thì ông H phản đối cho rằng hàng rào lún của ông H 20 cm, ông H cản trở, không cho thợ làm tiếp, đập phá bờ rào. Vì vậy, hai bên xảy ra tranh chấp cho đến nay. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông H, bà xác định gia đình bà rào hàng rào đúng phần đất của gia đình bà nên yêu cầu của ông H là không có căn cứ đề nghị Tòa án không chấp nhận cả 03 yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N – đại diện là ông Lương Ngọc H8 trình bày:

Ông Nguyễn Đức H1 và bà Trần Thị T có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng N (tại Chi nhánh E - B Đắc Lắc) để vay số tiền 280.000.000 đồng và thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa đất số 72, tờ bản đồ số 18 và thửa đất 79, tờ bản đồ số 18, xã C, huyện C, tỉnh Đắc Lắc. Đối với tranh chấp giữa ông Đào Đức H và ông Nguyễn Đức H1, ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng ông Lưu Văn K trình bày: Ông là anh rể của ông Đào Đức H. Ông Nguyễn Đức H1 là người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của vợ chồng ông. Sự việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên đã lâu nên ông không nhớ tài sản trên đất và các nội dung khác có liên quan ông cũng không xác định được. Đối với tranh chấp giữa các bên ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng chị Lưu Thị L trình bày: Vào cuối năm 2004 bố mẹ có cho chị L 01 lô đất tại buôn D, xã C, huyện C, sau đó vợ chồng chị đã bán lô đất cho anh chị chồng là chị T, anh H1, sổ thửa, tờ bản đồ và diện tích cụ thể thì chị không nhớ. Lúc bố mẹ chị cho đất có nói làm đến hàng Muồng. Do thời gian đã quá lâu, chị không nhớ chính xác ranh giới giữa hai thửa đất.

Người làm chứng ông Võ Đức T5 trình bày: Ông không có quan hệ gì với gia đình ông H, ông H1. Năm 2021 ông H1 bà T5 thuê ông xây hàng rào ranh giới giữa đất rẫy ông H1 và ông H. Việc thỏa thuận ranh giới giữa ông H1 và ông H thì ông không biết. Trước khi thi công, ông H1 và ông H có chỉ chỗ đóng cọc, căng dây, hai bên nhất trí xong thì ông và những người khác mới thi công, ông H cho mượn điện. Từ khi thi công đến lúc xong cả hai bên gia đình không có ý kiến gì.

Người làm chứng ông Lê Văn T4 trình bày: Ông có quan hệ thông gia với gia đình ông H1, không quen biết ông H. Năm 2021 ông H1 thuê ông làm hàng rào ranh giới giữa đất rẫy của ông H1 và ông H. Việc thỏa thuận ranh giới giữa ông H và ông H1 thì ông không biết. Trước khi thi công, ông H1 và ông H là người chỉ

chỗ để đóng cọc, căng dây, hai bên nhất trí ranh giới xong thì nhóm thợ mới thi công. Khi mới làm hàng rào ngày đầu tiên, ông H có cho mượn điện để làm. Trong 03 ngày đầu tiên thi công, ông H có thấy nhưng không có ý kiến phản đối. Đến ngày thứ 4, còn khoảng 3-4m hàng rào chưa làm xong, khi đó ông có thấy có 2-3m hàng rào bị đổ, ông nghỉ làm khoảng 3-4 ngày sau đó tiếp tục làm xong hàng rào. Lúc này thì không gặp ông H ở rẫy.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2023/DSST ngày 08/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar đã quyết định:

Căn cứ khoản 6, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165; khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 175 của Bộ luật Dân sự; khoản 24 Điều 3; khoản 1 Điều 170 Luật Đất đai;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đào Đức H về việc buộc ông Nguyễn Đức H1 tháo dỡ cọc rào, trả lại phần đất đã lấn chiếm diện tích 40 m²; đền bù giá trị 4 cây Muồng với số tiền là 26.000.000 đồng; bồi thường thiệt hại tổn thất về tinh thần do bị đe dọa tính mạng tài sản, xúc phạm danh dự nhân phẩm với số tiền 12.000.000 đồng và xin lỗi công khai.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/9/2023, nguyên đơn ông Đào Đức H kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar với nội dung: Cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án không vô tư khách quan, thiếu cơ sở pháp lý làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm đã tuyên.

Tại phiên tòa nguyên đơn xin rút một phần nội dung đơn kháng cáo về yêu cầu đền bù giá trị 04 cây Muồng với số tiền 26.000.000 đồng, bồi thường thiệt hại tổn thất về tinh thần do bị đe dọa tính mạng tài sản, xúc phạm danh dự nhân phẩm với số tiền 12.000.000 đồng và xin lỗi công khai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày quan điểm:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ bởi các lý do sau:

Ranh giới giữa hai thửa đất của ông H và ông H1 là tim hàng Muồng đen do ông H và bà X1 trồng từ năm 1990, ranh giới này được xác lập trước khi ông H1 sang nhượng đất của ông K, bà X1, điều đó phù hợp với tập quán của người sử dụng đất và phù hợp với lời trình bày của bà X1 xác định bà X1 trồng hàng Muồng làm ranh giới, các bên phải tôn trọng ranh giới này.

Sau khi chuyển nhượng đất thì năm 2012 ông H1, bà T có rào lưới B40 (hoàn toàn không có việc rào kẽm gai như phía gia đình ông H1, bà T trình bày) thì vợ ông H đã phản đối. Khi đó gia đình ông H1, bà T có nói với gia đình ông H rằng chỉ rào tạm thời nên gia đình ông H mới không có ý kiến gì. Đến năm 2021 ông H1, bà T xây hàng rào không báo cho ông H biết nhằm lấn chiếm đất của ông H. Cấp sơ thẩm dựa vào kết quả lồng ghép tham khảo để xác định hàng Muồng và con đường đất ông H đang sử dụng thuộc thửa đất của bị đơn là không đúng thực tế vì ông H còn thiếu đất, nhưng ông H1 thì thừa đất quá nhiều. Mặt khác, căn cứ vào lời khai của bà L là người chuyển nhượng đất cho ông H1, bà T và lời khai của bà X là người cho đất bà L cũng xác định ranh giới giữa hai thửa đất là hàng Muồng đen.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông H1 tháo dỡ cọc rào, trả lại phần đất đã lấn chiếm diện tích 40 m² cho ông H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát cho rằng kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Đào Đức H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 60/2023/DSST ngày 08/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu đền bù giá trị 04 cây Muồng với số tiền 26.000.000 đồng, bồi thường thiệt hại tổn thất về tinh thần do bị đe dọa tính mạng tài sản, xúc phạm danh dự nhân phẩm với số tiền 12.000.000 đồng và xin lỗi công khai do người kháng cáo rút yêu cầu.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn làm trong hạn luật định và được miễn tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông Đào Đức H rút một phần nội dung đơn kháng cáo về yêu cầu đền bù giá trị 04 cây Muồng với số tiền 26.000.000 đồng, bồi thường thiệt hại tổn thất về tinh thần do bị đe dọa tính mạng tài sản, xúc phạm danh dự nhân phẩm với số tiền 12.000.000 đồng và xin lỗi công khai. Việc rút một phần đơn kháng cáo của ông H là tự nguyện phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 289, khoản 5 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu này.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Đức H1 tháo dỡ cọc rào, trả lại phần đất đã lấn chiếm diện tích 40 m², Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về nguồn gốc sử dụng đất: Ông Đào Đức H sử dụng thửa đất số 100, tờ bản đồ số 18, diện tích 12510 m², có nguồn gốc do gia đình ông khai hoang từ năm 1990, đến năm 2005 được UBND huyện C cấp GCN QSD đất cho hộ ông H, bà H2. Đất có cạnh phía Bắc giáp ranh với đất của ông K, bà X1 (đến năm 2007 ông K, bà X1 chuyển nhượng lại cho ông H1, bà T). Các bên đương sự đều cho rằng giữa đất của ông H, bà H2 và đất của ông H1, bà T có một hàng Muồng đen chắn gió theo chiều dài khoảng 24 cây.

Xét quá trình sử dụng đất trên thực tế, thấy rằng: Năm 2006 khi ông H1 bà T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 79, 72 của ông Lưu Văn K bà Nguyễn Thị X1 thì các bên không xác định ranh giới, không chỉ mốc giới. Quá trình sử dụng đất, ông H1 bà T có rào dây thép gai và đến năm 2012 rào lưới B40 bao quanh hàng Muồng, hàng năm có tiến hành chặt, phát cành Muồng nhưng ông H biết và không có ý kiến phản đối gì. Cho nên được xem như đồng ý với việc gia đình ông H1 xác lập ranh giới là phía ngoài hàng Muồng đen giữa hai thửa đất. Đồng thời cũng đồng ý với việc gia đình ông H1 xác lập quyền sở hữu đối với hàng Muồng đen ngăn cách giữa hai thửa đất.

Ông H cho rằng hàng Muồng là do ông và bà X1 chị gái ông cùng trồng và xác định ranh giới 02 thửa đất tính từ tim hàng Muồng, nhưng ông không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh. Trong khi đó, chủ sử dụng đất trước đây là ông K (chồng bà X1) xác định do thời gian đã lâu nên không nhớ cụ thể ranh giới đất giữa ông H và bà X1, còn bà X1 xác định ranh giới đất giữa hai bên là tim của hàng Muồng nhưng bà X1 là chị gái ông H nên lời trình bày của bà X1 là không khách quan. Mặt khác, theo sơ đồ lồng ghép tham khảo nêu trên thì phần hàng rào của ông H1 tức là phần đất trồng hàng Muồng trước đó thuộc hoàn toàn trong phần đất thửa số 79 (đã được cấp GCN QSD đất cho ông H1).

Tại kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và kết quả đo đạc của Công ty TNHH Đ và kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar thể hiện: Diện tích thực tế sử dụng của cả ông H và ông H1 đang sử dụng đều nhiều hơn so với GCN QSD đất được cấp. Theo sơ đồ lồng ghép tham khảo của các thửa

đất số 72, 79 và 100, tờ bản đồ số 18 (cũ) tại xã C, huyện C thì phần diện tích đất được cấp của ông H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thửa đất số 100) không bao gồm phần đường có diện tích 245.5 m² giáp ranh hàng rào tại thửa đất số 79 của ông H1 mà phần diện tích 245.5 m² này thuộc thửa đất số 79. Như vậy, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ranh giới giữa thửa đất số 79 của ông H1 và thửa đất số 100 của ông H không phải từ hàng rào của ông H1 mà kéo dài sang hết phần con đường có diện tích 245.5 m² ông H đang sử dụng.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn đối với nội dung buộc bị đơn ông Nguyễn Đức H1 tháo dỡ cọc rào, trả lại phần đất đã lấn chiếm diện tích 40 m².

[3] Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Đào Đức H, cần giữ nguyên án sơ thẩm là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Xét thấy ông Đào Đức H là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn tiền án phí. Do đó, căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho ông Đào Đức H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 3 Điều 289, khoản 1, khoản 5 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Đào Đức H về nội dung: Buộc ông Nguyễn Đức H1 đền bù giá trị 4 cây Muồng với số tiền là 26.000.000 đồng; bồi thường thiệt hại tổn thất về tinh thần do bị đe dọa tính mạng tài sản, xúc phạm danh dự nhân phẩm với số tiền 12.000.000 đồng và xin lỗi công khai.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Đào Đức H đối với yêu cầu: Buộc ông Nguyễn Đức H1 tháo dỡ cọc rào, trả lại phần đất đã lấn chiếm diện tích 40 m².

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2023/DSST ngày 08/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Điều luật áp dụng và quyết định:

Căn cứ khoản 6, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165; khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 175 của Bộ luật Dân sự; khoản 24 Điều 3; khoản 1 Điều 170 Luật Đất đai;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đào Đức H về việc buộc ông Nguyễn Đức H1 tháo dỡ cọc rào, trả lại phần đất đã lấn chiếm diện tích 40 m²; đền bù giá trị 4 cây Muồng với số tiền là 26.000.000 đồng; bồi thường thiệt hại tổn thất về tinh thần do bị đe dọa tính mạng tài sản, xúc phạm danh dự nhân phẩm với số tiền 12.000.000 đồng và xin lỗi công khai

[3] Về chi phí tố tụng: Ông Đào Đức H phải chịu chi phí đo đạc là 7.788.000 đồng, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá là 2.000.000 đồng. Ông Đào Đức H đã nộp các chi phí này.

[4] Về án phí:

-Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đào Đức H.

-Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho ông Đào Đức H.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hằng